

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 137/2009/NQ-HĐND

Tuy Hòa, ngày 18 tháng 12 năm 2009

NGHỊ QUYẾT
Về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2008

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương ban hành kèm theo Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2008; Báo cáo thẩm tra số 06/BC-KTNS ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Ban Kinh tế và Ngân sách, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2008 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 888.396 triệu đồng (Tám trăm tám mươi tám tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu đồng).
2. Tổng thu ngân sách địa phương: 2.771.426 triệu đồng (Hai nghìn bảy trăm bảy mươi một tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng).
3. Tổng chi ngân sách địa phương: 2.598.270 triệu đồng (Hai nghìn năm trăm chín mươi tám tỷ, hai trăm bảy mươi triệu đồng).
4. Kết dư ngân sách địa phương: 173.156 triệu đồng (Một trăm bảy mươi ba tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

(Kèm theo phụ lục số 1, 2 và 3).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện các thủ tục báo cáo với Chính phủ và Bộ Tài chính theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa V, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Đào Tấn Lộc

Phụ biểu số 01

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2008

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		QUYẾT TOÁN	So sánh QT/DT(%)	
		Trung ương giao	HĐND giao		QT/D T TW giao	QT/D T HĐND
A	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	735.000	870.000	888.396	120,87	102,11
1	Thu nội địa (Không kể thu từ dầu thô)	610.000	640.000	700.719	114,87	109,49
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	125.000	125.000	26.000	20,80	20,80
4	Thu viện trợ không hoàn lại			1.653		
5	Các khoản ghi thu ghi chi		105.000	160.024		152,40
B	Thu ngân sách địa phương (NSDP)	1.499.339	1.653.350	2.771.426	184,84	167,62
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	607.860	636.871	696.528	114,59	109,37
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	150.020	165.081	200.175	133,43	121,26
	- Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	457.840	471.790	496.353	108,41	105,21
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	857.749	857.749	1.101.894	128,46	128,46
	- Bổ sung cân đối	507.985	507.985	507.985	100,00	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	349.764	349.764	593.909	169,80	169,80
	+ Vốn XDCB ngoài nước	65.000	65.000	55.534	85,44	85,44
3	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	33.730	33.730	685.305	2.031,74	2.031,74
4	Thu từ cấp dưới nộp lên			170		
5	Thu huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN		20.000	30.000		150,00
6	Thu viện trợ			1.653		
7	Thu kết dư ngân sách			95.855		
8	Các khoản ghi thu ghi		105.000	160.021		152,40

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		QUYẾT TOÁN	So sánh QT/DT(%)	
		Trung ương giao	HĐND giao		QT/D T TW giao	QT/D T HĐND
	chi					
C	Chi ngân sách địa phương	1.499.339	1.653.350	2.598.270	173,29	157,15
1	Chi đầu tư phát triển	244.600	442.515	577.649	236,16	130,54
2	Chi thường xuyên	916.668	962.915	1.237.779	135,03	128,54
3	Chi trả nợ gốc và lãi vay		36.975	37.022		100,13
4	Dự phòng	41.700	41.700			0,00
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ	1.000	1.000	1.000		100,00
6	Chi sự nghiệp CTMTQG	104.909	56.170			0,00
7	Chi hỗ trợ các chính sách mới	179.855				
8	Nguồn làm lương	10.607	7.075			
9	Chi chuyển nguồn sang năm 2009			608.060		
10	Các khoản ghi thu ghi chi		105.000	136.760		130,25
D	Kết dư ngân sách: (B - C)			173.156		
	Trong đó:					
1	Kết dư ngân sách tỉnh			58.234		
2	Kết dư ngân sách huyện			93.078		
3	Kết dư ngân sách xã			21.844		

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
NĂM 2008**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số quyết toán
Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	888.396
A. Thu trong cân đối	728.372
I. Tổng thu nội địa	700.719
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	24.301
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	140.920
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	41.249
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	236.356
5. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.442
6. Thu thuế nhà đất	7.139
7. Thu phí và lệ phí	10.794
8. Thu lệ phí trước bạ	23.692
9. Thuế thu nhập cá nhân	11.239
10. Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	11.941
11. Thu tiền thuê đất	5.538
12. Thu tiền sử dụng đất	78.817
13. Thu thuế chuyển quyền sử dụng đất	7.521
14. Thu phí xăng dầu	63.231
15. Thu cố định tại xã	19.525
16. Thu khác ngân sách	17.014
II. Thu thuế xuất nhập khẩu	26.000
III. Thu viện trợ không hoàn lại	1.653
B. Các khoản ghi thu, ghi chi	160.024

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2008*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số quyết toán
Tổng chi ngân sách địa phương	2.598.270
I. Chi ngân sách địa phương trong cân đối	2.461.510
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	575.599
2. Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư	37.022
3. Chi hỗ trợ doanh nghiệp	2.050
4. Chi trợ cước, trợ giá	4.251
5. Chi sự nghiệp kinh tế	130.616
6. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	565.923
7. Chi sự nghiệp y tế	102.582
8. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	14.518
9. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	9.717
10. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	6.493
11. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	9.260
12. Chi sự nghiệp môi trường	7.025
13. Chi đảm bảo xã hội	69.069
14. Chi quản lý hành chính	271.764
15. Chi an ninh quốc phòng	32.679
16. Chi khác ngân sách	13.882
17. Chi chuyển nguồn	608.060
18. Chi lập quỹ dự trữ tài chính	1.000
II. Chi từ khoản thu để lại quản lý qua Kho bạc Nhà nước	136.760